

BÁO CÁO

**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2026
và một số phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 (sau thẩm tra)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Quyết định số 02483/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi tắt là THPTK, CLP) 6 tháng đầu năm 2026 và một số phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Về việc ban hành các văn bản triển khai, thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THPTK, CLP)

Trên cơ sở Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc Hội về đẩy mạnh việc thực hiện Chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ngày 31/12/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 02483/QĐ-UBND về việc ban hành Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026. trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm và một số chỉ tiêu để thực hiện THPTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2026. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình THPTK, CLP theo hướng cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ nội dung trọng tâm và các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu cao nhất; các chỉ tiêu THPTK, CLP phải gắn với việc nâng cao hơn nữa trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên, vốn đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công đạt hiệu quả cao hơn nữa trong thời gian tới; áp dụng tăng cường hơn nữa việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý tài sản, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng điện; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, chấn chỉnh công tác quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển; Đẩy mạnh cải cách hành chính thông qua việc rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính trọng yếu, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp. Những giải pháp đồng bộ này không chỉ góp phần hiện đại hóa nền hành chính, mà còn tạo tiền đề vững chắc để tỉnh đạt được kết quả rõ nét, thực chất trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2026 và những năm tiếp theo.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về THTK, CLP

Thực hiện Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 và Quyết định số 02483/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã triển khai, quán triệt, tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau như lồng ghép vào các hội nghị chuyên đề, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, in ấn sao gửi các ấn phẩm, thông qua các cuộc họp giao ban, triển khai trên mạng liên thông,...

Qua đó, ý thức của cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân đã được nâng cao hơn về THTK, CLP, góp phần nâng cao đời sống, kinh tế; việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh ngày càng hiệu quả,... Công tác tuyên truyền đã góp phần phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm, tránh để xảy ra tình trạng thất thoát vốn và tài sản nhà nước; tuyên truyền, vận động người thân trong gia đình có ý thức tiết kiệm hơn nữa. Trong 6 tháng đầu năm, đã đăng tải hơn 70 bài và 180 ảnh trên các ấn phẩm báo in và báo điện tử; hơn 200 tin, bài phản ánh đa chiều, chuyên sâu, tổng thời lượng phát sóng Phát thanh, Truyền hình 18 giờ 53 phút.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra THTK, CLP

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP được các cấp, các ngành chú trọng; các Sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập đã thực hiện xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể, tập trung sâu vào lĩnh vực trọng điểm; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra nội bộ tại các đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Toàn ngành thanh tra đã tổ chức triển khai thực hiện 33 cuộc thanh tra tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; số cuộc triển khai từ kỳ trước chuyển sang 11 cuộc, số cuộc triển khai trong kỳ 22 cuộc; số cuộc theo kế hoạch 15 cuộc, số cuộc đột xuất 18 cuộc.

- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: 12 cuộc.

- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 17 đơn vị.
- Qua thanh tra, kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước số tiền 1.968 triệu đồng (đã thu hồi 1.723 triệu đồng, còn lại 245 triệu chưa thu hồi); xử lý khác về kinh tế 0 triệu đồng; xử lý vi phạm hành chính 0 triệu đồng. Đồng thời, xử lý trách nhiệm 2 tổ chức, 31 cá nhân; Chuyển cơ quan điều tra 0 vụ, 0 đối tượng.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra nhìn chung các đơn vị được thanh tra phát sinh sai phạm chủ yếu là chi không đúng đối tượng, không đúng chế độ định mức, tiêu chuẩn, khối lượng thi công thực tế thực hiện thấp hơn dự toán nên còn thừa kinh phí, xác định lại dự toán giao so với thực tế thực hiện nhiệm vụ được giao, hạch toán các khoản chi không thuộc chi phí để xác định thuế,...

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP

1. Kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực

a) Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong 6 tháng đầu năm năm 2026, các Sở, ban, ngành, cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập đã ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu nội bộ là 161 văn bản. Các cơ quan, đơn vị chỉ trình cấp thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và khi có văn bản mới của cấp trên được ban hành.

b) Trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán

Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết, trùng lặp, kém hiệu quả, thực hiện cắt giảm kinh phí của một số nội dung chi mục tiêu, nhiệm vụ hết giai đoạn thực hiện hoặc đã thực hiện còn thừa để bố trí cho nội dung chi mới phát sinh; ưu tiên nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến con người và các chế độ, chính sách Trung ương và địa phương đã ban hành. Kết quả tiết kiệm theo chỉ đạo, điều hành trong 6 tháng đầu năm 2026, trong đó tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên là 289.557 triệu đồng (gồm: cấp tỉnh: 193.520 triệu đồng; cấp xã: 96.037 triệu đồng).

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ, các cơ quan đơn vị, địa phương thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 thêm: 53.154 triệu đồng, trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2026 theo khoản 1, điều 1 nghị quyết số 135/NQ-CP là: 39.474 triệu đồng; phân đầu tiết kiệm thêm 5% chi thường xuyên theo khoản 2, điều 1 nghị quyết số 135/NQ-CP là: 13.680 triệu đồng.

c) Trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

- Về chi quản lý hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hạn chế tối đa việc tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, chi đoàn ra, đoàn vào nhưng vẫn đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác và phát triển kinh tế - xã hội; không sử dụng kinh phí

ngân sách nhà nước để chi quà biếu, quà tặng không đúng chế độ quy định; trong 6 tháng đầu năm năm 2026 tiết kiệm 15.702 triệu đồng, bằng 72% so với kế hoạch năm 2026; tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại 4.855 triệu đồng bằng 91% so với kế hoạch năm 2026; tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị với số tiền 1.248 triệu đồng bằng 91% so với kế hoạch năm 2026.

- Quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu: tổng kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026 là 277.487 triệu đồng, trong kỳ báo cáo đã giải ngân là: 23.520 triệu đồng, đạt 8,4% kế hoạch vốn, trong đó:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, kế hoạch vốn là 107.442 triệu đồng; Trong đó, vốn đầu tư phát triển: 14.791 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 92.651 triệu đồng; trong kỳ báo cáo đã giải ngân vốn sự nghiệp được 1.864 triệu đồng, đạt 2% kế hoạch.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, kế hoạch vốn là 123.845 triệu đồng; trong đó, nguồn đầu tư phát triển 91.831 triệu đồng, nguồn sự nghiệp 32.014 triệu đồng; trong kỳ báo cáo đã giải ngân là 19.354 triệu đồng, đạt 15,6% so với kế hoạch vốn (nguồn đầu tư phát triển 9.445 triệu đồng, đạt 10% kế hoạch, nguồn sự nghiệp 9.909 triệu đồng, đạt 31% kế hoạch).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, kế hoạch vốn là 46.200 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển là 11.941 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 34.259 triệu đồng; trong kỳ báo cáo đến thời điểm hiện tại, đã giải ngân 2.302 triệu đồng, đạt 4,9% so với kế hoạch vốn (trong đó, vốn đầu tư phát triển 666 triệu đồng, đạt 6% kế hoạch, vốn sự nghiệp 1.636 triệu đồng, bằng 5% kế hoạch).

- Trong quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: trong 6 tháng đầu năm 2026 thực hiện các đề tài dự án và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác như chi họp hội đồng xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài dự án, hội thảo hội nghị khoa học, kiểm tra đề tài dự án, chi đổi mới hoạt động đo lường chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ doanh nghiệp, kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng, truy xuất nguồn gốc và ghi nhãn hàng hóa, và thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp công về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Chủ động tổ chức thẩm định chi tiêu đúng theo quy định và quản lý các nội dung nhiệm vụ để đạt được kết quả cao nhất có thể. Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ khoa học công nghệ được giao, các dự án khác theo đúng tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, đúng dự toán được phê duyệt và rà soát cắt giảm nội dung thật sự không cần thiết.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo: trong 06 tháng đầu năm 2026, việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện chặt chẽ, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế: trong thời gian qua, với mục tiêu nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, địa phương đã tăng cường đầu tư mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sĩ và cán bộ quản lý y tế; đồng thời, đẩy nhanh xã hội hóa, huy động nguồn lực phát triển y tế; đồng thời thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước về công tác quản lý ngân sách. Thường xuyên rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo chi theo dự toán phê duyệt và chế độ quy định, kiên quyết loại trừ các khoản chi không đúng chế độ quy định, vượt định mức;

d) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Về mua sắm, sửa chữa tài sản công: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện tại Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của, với tổng kinh phí là 53,1 tỷ đồng (trong đó kinh phí mua sắm, sửa chữa 22,9 tỷ đồng và kinh phí sửa chữa trụ sở là 30,1 tỷ đồng). Các đơn vị đang tổ chức thực hiện thủ tục mua sắm, sửa chữa trụ sở làm việc.

- Về trang thiết bị và phương tiện làm việc: Các cơ quan, đơn vị đã tận dụng tối đa các trang thiết bị và phương tiện làm việc hiện có để sắp xếp, bố trí làm việc theo mô hình tổ chức mới; đồng thời, tổ chức mua sắm các trang thiết bị, phương tiện làm việc còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức quy định, đảm bảo trang thiết bị và phương tiện làm việc đầy đủ và phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trên tinh thần tiết kiệm, chỉ sử dụng xe công vào những việc cần thiết, không để xảy ra tình trạng sử dụng không đúng mục đích gây lãng phí kinh phí của đơn vị.

đ) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Trong công tác đầu tư xây dựng:

Việc triển khai hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án, công trình bằng nguồn vốn đầu tư công, tổng hợp, giao Kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công. Trong đó, xác định sự cần thiết bố trí vốn, nhu cầu giải ngân thực tế của từng dự án, làm cơ sở xem xét bố trí kinh phí thực hiện. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn được giao; báo cáo tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công định kỳ hàng tuần, hàng tháng để làm cơ sở có ý kiến chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án lớn, quan trọng của tỉnh; kịp thời tham mưu cấp thẩm quyền điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án có tiến độ giải ngân chậm hoặc không có khả năng giải ngân sang các dự án có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhằm góp phần giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đạt kết quả cao nhất.

Kế hoạch đầu tư công năm 2026 của tỉnh Cà Mau được Thủ tướng Chính phủ giao là 7.285,254 tỷ đồng, tỉnh Cà Mau đã phân bổ chi tiết 6.959,849 tỷ đồng, còn lại tiết kiệm 5% vốn ngân sách địa phương (325,405 tỷ đồng) để bổ sung vốn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng theo chỉ đạo của Thủ

tướng Chính phủ. Đã giải ngân 5 tháng đầu năm 2026 là 2.104,369 tỷ đồng/6.959,849 tỷ đồng, bằng 21% kế hoạch, cao hơn giải ngân cùng kỳ năm 2025 (bằng 20,3% kế hoạch). Cụ thể như sau:

+ Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã giải ngân 1.719,940 tỷ đồng, bằng 23% kế hoạch cao hơn tỷ lệ giải ngân trung bình cả nước (21,6%). Trong đó: Vốn ngân sách địa phương 1.509,431 tỷ đồng, bằng 22,5% kế hoạch. Vốn ngân sách trung ương 210.509 triệu đồng, bằng 27,1% kế hoạch.

+ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 chuyển sang đã giải ngân 384,899 tỷ đồng, bằng 15% kế hoạch. Trong đó: Vốn ngân sách địa phương 46,898 tỷ đồng, bằng 18,5% kế hoạch. Vốn ngân sách trung ương 338,001 tỷ đồng, bằng 14,6% kế hoạch.

Ước thực hiện và giải ngân 6 tháng đầu năm 2026 phấn đấu tỷ lệ giải ngân toàn tỉnh đạt tối thiểu 46% theo mục tiêu tại Kế hoạch thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kết quả thực hiện công tác quyết toán dự án, công trình hoàn thành và xử lý tất toán các dự án, công trình cụ thể như sau:

+ Công tác quyết toán dự án hoàn thành: Tính đến ngày 31/5/2026 đã thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán 73 dự án với giá trị quyết toán 1.600,069 tỷ đồng (chênh lệch so với giá trị chủ đầu tư đề nghị là 2,877 tỷ đồng). Ước đến ngày 30/6/2026 thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán khoảng 90 dự án.

+ Công tác xử lý tất toán tài khoản dự án: Tính đến ngày 31/5/2026 tổng số dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán nhưng chưa tất toán tài khoản dự án là 192 dự án, trong đó có 189 dự án có thời gian phê duyệt trên 03 tháng với số tiền phải thu hồi là 23,386 tỷ đồng, số tiền ngân sách nhà nước còn phải chi trả là 8,817 tỷ đồng. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2026 giảm còn 160 dự án chưa tất toán tài khoản dự án.

- Về trụ sở làm việc: tổng số cơ sở nhà, đất là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau sáp nhập là 1.381 cơ sở, trong đó, tỉnh Bạc Liêu (cũ) có 583 cơ sở, tỉnh Cà Mau (cũ) có 798 cơ sở. Theo phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc được cấp thẩm quyền phê duyệt, có 1.072 cơ sở nhà, đất tiếp tục bố trí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng; số cơ sở nhà, đất dôi dư là 309 cơ sở, chiếm khoảng 22,4%. Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 020/KH-UBND, ngày 23/7/2025 và Kế hoạch số 0263/KH-UBND, ngày 29/12/2025 về tổ chức sắp xếp, xử lý tài sản công là nhà, đất dôi dư trên địa bàn tỉnh Cà Mau; trên cơ sở đó, đã ban hành Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 về việc chuyển giao cơ sở nhà, đất dôi dư trên địa bàn tỉnh Cà Mau cho các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, khai thác, xử lý, cụ thể: giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh quản lý, khai thác là 90 cơ sở; giao Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý, khai thác, sử dụng 219 cơ sở. Tính đến thời điểm hiện tại, các đơn vị đã cơ bản thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản, cụ thể như sau:

- Về sắp xếp, xử lý tài sản công dôi dư trên địa bàn tỉnh:

+ Đối với các cơ sở nhà, đất dôi dư

Công tác sắp xếp, xử lý tài sản công dôi dư trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả bước đầu; việc bố trí, sắp xếp trụ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp. Tuy nhiên, tiến độ xử lý, khai thác tài sản dôi dư còn chậm, đặc biệt là việc đưa tài sản vào sử dụng; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong tổ chức thực hiện, dẫn đến hiệu quả khai thác tài sản chưa cao.

Tính đến thời điểm báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo hoàn thành sắp xếp, điều chuyển, chuyển đổi công năng đưa vào sử dụng 71/309 cơ sở nhà, đất; số cơ sở nhà, đất dôi dư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh còn phải xử lý là 238 cơ sở nhà, đất (sẽ tiếp tục xử lý theo Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Phương án được cấp có thẩm quyền duyệt). Trong 71 cơ sở nhà, đất đã sắp xếp, điều chuyển, chuyển đổi công năng đưa vào sử dụng, trong đó, bố trí cho cơ sở giáo dục 13 cơ sở, cơ sở y tế 07 cơ sở, thể thao cộng đồng 01 cơ sở, còn lại bố trí làm trụ sở làm việc, trụ sở khóm, ấp văn hóa,...

+ Về trang thiết bị và phương tiện làm việc dôi dư: Tỉnh Cà Mau đã hoàn thành việc Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý và báo cáo kết quả về Bộ Tài chính, là một trong những địa phương đầu tiên hoàn thành việc Tổng kiểm kê tài sản công, đảm bảo khớp đúng số liệu, vượt tiến độ so với quy định (thời điểm 00h00' ngày 01/01/2026). Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát tài sản dôi dư để phân loại, xử lý theo đúng quy định.

- Quản lý, nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng: công tác việc quản lý, sử dụng quỹ nhà ở thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh, tổng số 586 căn, trong đó tỉnh Bạc Liêu (cũ) 269 căn (gồm: Nhà ở xã hội: 43 căn; Nhà ở cũ: 226 căn); tỉnh Cà Mau (cũ) tổng số 317 căn, gồm:

+ Nhà ở công vụ: 35 căn: Trong đó, khu chung cư 15 căn nhà ở công vụ, đã bố trí cho thuê 15/15 căn; khu công vụ sau khi cải tạo trụ sở Trung tâm xe công tỉnh Cà Mau (cũ) đã bố trí 20/20 căn và không thu tiền thuê (đã trừ vào mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động từ Bạc Liêu đến Cà Mau làm việc do hợp nhất tỉnh).

+ Nhà ở lưu trú: 148 phòng, Trong đó, khu lưu trú sau khi cải tạo Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Cà Mau (IPEC: Đã bố trí 05/06 phòng, không thu tiền thuê; Khu lưu trú tại Ký túc xá Trường Chính trị tỉnh Cà Mau: Đã bố trí 75/82 phòng, không thu tiền thuê (đã trừ vào mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động từ Bạc Liêu đến Cà Mau làm việc do hợp nhất tỉnh); Khu lưu trú sau khi cải tạo trụ sở Trung tâm xe công tỉnh Cà Mau (cũ): Đã bố trí 60/60 phòng, không thu tiền thuê.

+ Nhà ở xã hội: Đã bố trí 56/56 căn, thu tiền thuê nhà theo quy định. Trong đó, 48 hợp đồng còn hạn và 08 hợp đồng hết hạn nhưng chưa ký gia hạn do bên thuê còn nợ tiền thuê nhà; đã có văn bản đề nghị thanh toán nợ tiền thuê nhà theo quy định. Đối với các trường hợp hoàn thành thanh toán nợ tiền thuê nhà sẽ xem xét gia

hạn hợp đồng thuê nhà; trường hợp không thực hiện thanh toán nợ thì xem xét chấm dứt hợp đồng và trình cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi nhà ở theo quy định.

+ Nhà ở cũ: Đã bố trí 78/78 căn. Trong đó, 61 căn đã có hợp đồng thuê và thực hiện thu tiền thuê nhà theo quy định và 17 căn hiện chưa thực hiện thu tiền thuê nhà do phát sinh khó khăn, vướng mắc. Cụ thể: Đối với 61 căn đã có hợp đồng thuê: 03 hợp đồng còn thời hạn; các trường hợp còn lại đã hết thời hạn nhưng chưa ký gia hạn do còn nợ tiền thuê nhà. Đã có thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định để xem xét gia hạn hợp đồng thuê nhà. Đồng thời, nhiều hộ thuê nhà có đề nghị được xem xét bán nhà ở đang thuê theo quy định. Đối với 10 căn tập thể do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh quản lý, bố trí cho cán bộ, sĩ quan quân đội sử dụng. Hiện nay đang tạm dừng xác định và thu tiền thuê nhà (chi tiết tại Công văn số 847/SXD-QLN ngày 21/3/2023 của Sở Xây dựng).

e) Trong việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt 04 đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị thực hiện đưa tài sản công vào khai thác có hiệu quả góp phần tạo nguồn thu cho đơn vị sự nghiệp công lập, sử dụng tài sản cho thuê đúng mục đích được giao, hạn chế được việc tự ý cho thuê mặt bằng để kinh doanh, dịch vụ trong khuôn viên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị và thực hiện trích lập quỹ theo quy định. Đồng thời, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước từ các khoản thuế.

f) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, đơn vị nhận giải quyết 78 hồ sơ (năm 2025 chuyển sang 5 hồ sơ); đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất cho 23 tổ chức, cá nhân; đang trình UBND tỉnh 01 hồ sơ; chỉnh sửa, bổ sung 15 hồ sơ; đã trả kết quả 12 hồ sơ; đang thẩm định 27 hồ sơ; lũy kế tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ đầu năm đến nay với số tiền phê duyệt là: 925 triệu đồng và phê duyệt 01 quyết định điều chỉnh tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, với tổng số tiền còn lại phải nộp là: 27,7 triệu đồng. Thành lập 02 đoàn kiểm tra về việc chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước và xử lý vi phạm hành chính.

- Công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh:

Tổ chức rà soát hiện trạng các công trình thủy lợi, đê điều, cống, trạm bơm, kênh mương và các công trình phục vụ phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đánh giá mức độ hoạt động, khả năng phục vụ sản xuất và dân sinh của từng công trình. Qua rà soát cho thấy phần lớn các công trình đang được quản lý, vận hành cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai.

Tuy nhiên, một số công trình được đầu tư từ nhiều năm trước đã xuất hiện tình trạng xuống cấp cục bộ, bồi lắng kênh dẫn, hư hỏng một số hạng mục, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, ưu tiên sửa chữa các

hạng mục cấp thiết, thực hiện bảo trì theo mức độ cần thiết và khả năng cân đối kinh phí; hạn chế đầu tư dàn trải, tránh phát sinh lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước.

Tăng cường kiểm tra việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; phối hợp địa phương tuyên truyền, xử lý các trường hợp lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình, xây dựng trái phép, gây cản trở dòng chảy hoặc ảnh hưởng an toàn công trình.

- Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai:

Quản lý, sử dụng đất đai theo quy định, hạn chế việc sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang và lấn chiếm đất đai. Quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng (khai thác cát lòng sông) và phối hợp xử lý nghiêm các trường hợp khai thác cát sông không phép trên các tuyến sông thuộc phạm vi quản lý.

- Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng, khoáng sản:

+ Việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được thực hiện bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp; đúng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, chống cháy rừng và phát triển bền vững tài nguyên rừng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả tài nguyên rừng; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với chủ rừng, giữa lợi ích kinh tế của rừng với lợi ích phòng hộ, bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên. Được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đảm bảo công tác bảo vệ và phát triển rừng.

+ Phần lớn các điểm mỏ khoáng sản ở Cà Mau chưa đủ điều kiện khai thác, chỉ khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên theo quy định. Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa cấp giấy phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

+ Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản được tăng cường, giám sát chặt chẽ các dự án hoạt động nạo vét, khơi thông luồng lạch kết hợp tận thu sản phẩm, đặc biệt quan tâm và chú trọng nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn, nhất là việc khai thác đất mặt, đất lòng sông, cát ven biển, cát bãi bồi vùng cửa sông ven biển, đặc biệt là các hoạt động tác động xấu đến môi trường, gây sạt lở, sụt, lún bờ sông, bãi sông.

- Về điện gió: Tỉnh Cà Mau mới được Quy hoạch đến giai đoạn 2030 tổng công suất là 3.003,2 MW, gồm 48 dự án cụ thể như sau:

- 28 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng công suất 1.740,2MW, trong đó: 14 dự án tổng công suất 694,2 MW đã vận hành thương mại; 05 dự án tổng công suất 442 MW đang triển khai thi công; 07 dự án tổng công suất 474 MW chưa thi công và đang thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng; 02 dự án tổng công suất 130 MW đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và đang phát hành hồ sơ mời quan tâm; 20 dự án chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng công suất 1.263 MW.

- Đối với điện mặt trời: Trên địa bàn tỉnh có 2.822 công trình lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất 306,511 MWp, sản lượng điện phát lên lưới ước trong tháng 05/2026 sản lượng phát lên lưới là 37,5 triệu kWh. Theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh có 02 dự án điện mặt trời với tổng công suất 100 MW, đang trong quá trình lập thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

- Về cơ sở dữ liệu:

+ Phân công Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Cà Mau trực, theo dõi, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật hàng tuần nhằm bảo đảm các hệ thống hoạt động liên tục, thông suốt 24/7. Thực hiện rà soát, sao lưu dữ liệu và phân công trực theo dõi, bảo đảm an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu trong dịp lễ Giỗ tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng 30/04, ngày Quốc tế Lao động 01/05 năm 2026 và các ngày nghỉ cuối tuần.

+ Hệ thống giám sát an toàn thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời tổng số 54.182 lượt tấn công, tần suất tấn công bình quân 1.935 đợt tấn công/ngày, lũy kế từ đầu năm đến nay có 1.752.770 đợt tấn công, tần suất bình quân 13.179 đợt tấn công/ngày.

+ Phần mềm phòng, chống mã độc quản lý tập trung đã triển khai cài đặt tại các đơn vị cơ quan quản lý nhà nước (cấp tỉnh và cấp xã) trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 1.247 máy tính bị lây nhiễm mã độc, tỷ lệ bình quân trong tháng mỗi ngày có 45 máy bị nhiễm mã độc, lũy kế từ đầu năm đến nay đã có 3.321 máy tính bị lây nhiễm mã độc. Đồng thời, bằng biện pháp nghiệp vụ, đơn vị vận hành đã xử lý tổng số 6.094 mã độc, tỷ lệ bình quân mỗi ngày có 218 mã độc được phát hiện và xử lý, lũy kế đến nay có 57.259 mã độc được xử lý.

+ Về triển khai Trung tâm IOC: Hiện nay, hệ thống IOC duy trì 14 lĩnh vực, 39 loại dữ liệu và 258 trường chỉ tiêu; hầu hết dữ liệu đã được kết nối liên thông, cung cấp tương đối đầy đủ.

+ Tần số vô tuyến điện: Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho chủ tàu cá theo quy định. Hiện nay, có 9 đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá (VMS) trên địa bàn tỉnh, với trên 1.900 tàu cá đã được lắp đặt thiết bị VMS. Bên cạnh đó, Trạm phát thanh ở ấp Sở Tại, xã Lương Thế Trân; với tháp ăng ten cao 82,3 m; kênh phát thanh FM tần số 94,6 MHz, công suất 10 kW và ở phường Bạc Liêu, kênh phát thanh FM tần số 93,8 MHz, công suất 10 kW. Đài Thông tin Duyên Hải Cà Mau với công suất phát sóng là 150 W, hoạt động trên 3 tần số: tần số 7969 kHz là tần số trực canh của Đài, kết nối liên lạc giữa đài bờ với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá, phục vụ liên lạc giữa các tàu, thuyền trên biển. tần số 7903 kHz là tần số cấp cứu khẩn cấp, nhận bản tin cứu hộ cứu nạn đối với tàu, thuyền khi gặp nạn trên biển, chuyển trực tiếp bản tin đến Cục Hàng hải Việt Nam và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn để huy động lực lượng, phương tiện của các trung tâm tìm kiếm cứu nạn hàng hải. Tần số 7906 kHz là tần số để phát bản tin quảng bá MSI, phát thông tin cảnh báo hàng hải, cảnh báo khí tượng, cảnh báo thiên tai, dự báo thời tiết và thông tin tìm kiếm cứu nạn trên biển.

g) Trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước

Các quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước⁽¹⁾ được hoạt động theo hình thức không vì mục đích lợi nhuận, với mục đích là hỗ trợ vốn với lãi suất ưu đãi góp phần đáp ứng được một phần nhu cầu về vốn, vốn được bảo toàn và phát triển; các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ để có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ. Nhìn chung, việc tiếp cận được nguồn quỹ tài chính đã tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường,... góp phần giảm chi phí, tiết kiệm được chi phí, công lao động, sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm tình trạng thất nghiệp, góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện một số mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2026, các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đã nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản đúng theo quy định.

h) Trong công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Lũy kế từ đầu năm đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 135 quyết định, công bố 1.519 thủ tục hành chính, tất cả thủ tục hành chính được công khai Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định. Đến nay, số thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp là 2.143 thủ tục hành chính, trong đó: Cấp tỉnh là 1.700 thủ tục hành chính, cấp xã là 443 thủ tục hành chính.

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, tỉnh tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia 1.061 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 1.082 dịch vụ công trực tuyến một phần, đạt 100%.

Tỉnh đã triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung của Bộ, ngành Trung ương. Trong kỳ báo cáo, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt 99,66%; tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt 97,01%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 94,47%.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, tỉnh đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công toàn trình đối với 1.016 thủ tục, tất cả đã được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bên cạnh đó, tỉnh có 495 thủ tục hành chính được kết nối thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả, trong kỳ báo cáo, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh đạt 94,47%.

⁽¹⁾ Bao gồm các Quỹ: Đầu tư phát triển; Phát triển đất; Bảo vệ môi trường; Hỗ trợ nông dân, Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.

i) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Tinh giản biên chế: Tính từ ngày 01/7/2025 đến nay, tổng số người đã được phê duyệt tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế là 262 người, trong đó: 195 người nghỉ hưu trước tuổi; 67 người nghỉ thôi việc ngay.

- Đề án vị trí việc làm: Thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về vị trí việc làm công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 17/12/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả trong kỳ báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với 79 cơ quan, đơn vị; Giám đốc Sở Nội vụ phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của 45 đơn vị.

- Về tổ chức bộ máy, biên chế

Sau khi hợp nhất hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp xã theo thẩm quyền đã thực hiện các thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo định hướng của Trung ương và Bộ quản lý chuyên ngành. Đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 15 tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (13 cơ quan chuyên môn, 02 tổ chức hành chính khác) và 256 tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (192 cơ quan chuyên môn và 64 Trung tâm Phục vụ hành chính công); có 146 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (có 15 đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 131 đơn vị thuộc sở, ngành) và 867 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (677 trường học, 64 Trung tâm Công ích, 64 Trạm Y tế và 62 Ban Quản lý dự án).

Qua sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo yêu cầu cải cách hành chính, tinh giản biên chế; công tác sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được thực hiện đồng bộ gắn với việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tính kế thừa, ổn định, tinh gọn, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và điều kiện đặc thù của tỉnh.

- Về chính sách hỗ trợ đi lại, nhà ở, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức:

Từ ngày 01/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND về mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động từ Bạc Liêu đến Cà Mau làm việc do hợp nhất tỉnh. Tính đến thời điểm hiện tại đã hỗ trợ cho 1.144 người với tổng số tiền là 28.135 triệu đồng.

k) Trong quản lý, sử dụng vốn, đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tình hình tài chính của các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; hoạt động sản xuất, kinh doanh của phần lớn doanh nghiệp được duy trì hiệu quả và có phát sinh lợi nhuận. Qua rà soát, chưa phát hiện trường hợp thất thoát, mất vốn lớn; các đơn vị cơ bản bảo đảm

yêu cầu bảo toàn vốn chủ sở hữu theo quy định. Đồng thời, Các doanh nghiệp chú trọng đến việc đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước đều đạt được hiệu quả, tạo ra lợi nhuận, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng bình quân, thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được chủ sở hữu giao, thực hiện khá tốt các khoản phải nộp thuế. Trong kỳ báo cáo, các doanh nghiệp nhà nước tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh được 8.608 triệu đồng, bằng 126% so với kế hoạch năm 2026 (6.821 triệu đồng); tiết kiệm chi phí đầu tư do thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh với số tiền 36 triệu đồng, bằng 72% so với kế hoạch năm 2026 (50 triệu đồng).

Vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được bảo toàn và phát triển, ước đến 6 tháng đầu năm 2026 là 956.000 triệu đồng.

l) Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

- Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và người dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày càng được nâng cao; các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, năng lượng, hàng hóa và vật tư trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng từng bước được khắc phục, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh đã chủ động rà soát, sắp xếp lại dây chuyền, thiết bị, nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên nhiên vật liệu, tiết kiệm điện năng, nước và chi phí sản xuất. Nhiều đơn vị tích cực ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, góp phần giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

- Trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa và tiêu dùng đã đẩy mạnh Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện, hưởng ứng kích cầu tiêu dùng, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam qua đó đã xác nhận cho thương nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký thực hiện 40 chương trình khuyến mại với tổng giá trị giải thưởng khoảng 5,645 tỷ đồng; tiếp nhận 14 thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp. Các thương nhân đã tổ chức 43 hội chợ, triển lãm thương mại, có khoảng 4.300 doanh nghiệp tham gia với khoảng 4.085 gian hàng, thu hút được khoảng 645.000 lượt khách đến tham quan mua sắm với doanh thu hơn 72 tỷ đồng; tạo môi trường thuận lợi trong mua bán trao đổi hàng hoá, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

2. Phân tích, đánh giá

a) Kết quả đạt được

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, các chủ trương, giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai thống nhất trên các lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; phòng ngừa, hạn chế lãng phí và đạt được nhiều kết quả tích cực.

- Trên cơ sở Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị đã chủ động xây dựng, ban hành kế

hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tổ chức thực hiện tương đối đồng bộ, gắn với công tác quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng cơ quan, đơn vị. Nhìn chung, các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã phát huy hiệu quả tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước. Công tác thanh tra, kiểm tra được chú trọng, qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công và thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

- Việc thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, tiết kiệm được triển khai ngay từ khâu lập, phân bổ, giao và điều hành dự toán ngân sách nhà nước; đồng thời tăng cường kiểm soát chi, tiết kiệm chi thường xuyên, chi quản lý hành chính, mua sắm, sửa chữa tài sản công. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công ngày càng đi vào nề nếp, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và các nguồn lực của Nhà nước. Bên cạnh đó, việc kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Nguồn tài nguyên thiên nhiên được khai thác phù hợp, quản lý chặt chẽ, gắn với bảo vệ môi trường góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế của tỉnh, cũng như tạo được nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Ý thức của người dân về THTK, CLP ngày càng được nâng cao đã góp phần nâng cao mức sống của người dân.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác THTK, CLP 6 tháng đầu năm 2026 còn có những tồn tại, hạn chế chủ yếu như sau:

- Một số chỉ tiêu thực hiện chưa đạt kế hoạch đề ra; một số cơ quan, đơn vị báo cáo chưa đầy đủ nội dung, thời gian quy định. Đồng thời, không có đủ cơ sở so sánh được kết quả thực hiện so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân là do biến động về cơ cấu tổ chức thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh làm ảnh hưởng đến chất lượng số liệu báo cáo và không đánh giá được so với cùng kỳ năm trước.

- Trong công tác sử dụng ngân sách nhà nước một số cơ quan, đơn vị thực hiện chưa đúng định mức, chế độ quy định; một số cơ quan, đơn vị lập dự toán cho một số nhiệm vụ không thường xuyên chưa sát, dẫn đến việc phải điều chỉnh dự toán; tiến độ giải ngân vốn đầu tư chưa đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ giải ngân nguồn Chương trình mục tiêu còn thấp.

- Về công tác xử lý tài sản công, trụ sở dôi dư còn khá chậm, cơ sở vật chất và hạ tầng số ngành giáo dục còn khó khăn; việc phân cấp bố trí nguồn lực và tổ chức hướng dẫn thực hiện ở cấp xã còn thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả

triển khai nhiệm vụ. Trụ sở cấp xxa còn phân tán, nhiều nơi sử dụng cùng lúc 02-03 trụ sở, gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, điều hành.

- Bên cạnh đó, tiến độ giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia còn khá thấp phản ánh việc tổ chức triển khai thực hiện các chương trình ở một số đơn vị, địa phương còn chậm; việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ chưa thật sự đồng bộ. Bên cạnh đó, do một số nội dung chi thuộc nguồn vốn sự nghiệp cần có thời gian để rà soát đối tượng thụ hưởng, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nên chưa phát sinh khối lượng thanh toán.

- Công tác xây dựng Kế hoạch THPT, CLP tại một vài đơn vị còn mang tính hình thức, chưa cụ thể nhiệm vụ chuyên môn của ngành, đơn vị, địa phương mình theo kế hoạch phân công trong chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; công tác báo cáo của một số đơn vị, địa phương chưa đảm bảo yêu cầu về nội dung, số liệu và thời hạn theo quy định, nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp báo cáo kết quả về THPT, CLP trên địa bàn toàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THPT, CLP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THPT, CLP trong 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra nhiệm vụ trọng tâm thực hiện đến cuối năm 2026, như sau:

1. Trọng công tác quán triệt, tuyên truyền về THPT, CLP

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp; phát huy vai trò của các cơ quan thông tin, truyền thông trong việc phổ biến chủ trương, chính sách, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm hiệu quả về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi gây thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản công, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực của Nhà nước. Đồng thời, tập trung rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khắc phục các nguyên nhân dẫn đến lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực công.

- Tập trung triển khai có hiệu quả thể chế phòng, chống lãng phí; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công, tập trung giải quyết triệt để các nguyên nhân dẫn đến lãng phí tài sản công, tài nguyên thiên nhiên.

- Từng bước xây dựng văn hóa tiết kiệm trong hoạt động công vụ và đời sống xã hội; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm thường xuyên của mỗi cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện nghiêm chế độ kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ, bảo đảm công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai đồng bộ, hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với cơ cấu chi ngân sách và nâng cao chất lượng quản lý tài chính công. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; bảo đảm mọi khoản chi ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và đạt hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán đến tổ chức thực hiện và quyết toán ngân sách; thực hiện triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, hạn chế tối đa các khoản chi chưa thật sự cần thiết, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, các chương trình an sinh xã hội, đầu tư phát triển và các nhiệm vụ phát sinh theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản công và đầu tư xây dựng, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, phòng ngừa thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính công.

3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Việc phân bổ kế hoạch vốn đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án có tính liên kết vùng, tác động lan tỏa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh, giáo dục, đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, phòng, chống, khắc phục thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, ...

Thứ tự ưu tiên phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030: Phân bổ cho các Dự án đầu tư công khẩn cấp; Hoàn trả vốn ứng trước; Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; Bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; Phân bổ vốn cho các Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; Phân bổ thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có); Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Bố trí vốn để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng

Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trong cơ quan, đơn vị trực thuộc và quản lý theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định hiện hành; báo cáo tình hình giá cả thị trường tham mưu thực hiện công tác bình ổn giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

- Triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, trong năm 2026 hoàn thành việc tổng kiểm kê tài sản công.

5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh và các quy định của pháp luật chuyên ngành. Tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với tài nguyên đất đai, khoáng sản và các loại tài nguyên khác; bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác rà soát, quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng tài nguyên; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch nhằm bảo đảm sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, hạn chế thất thoát, lãng phí và khắc phục kịp thời những tồn tại, bất cập trong công tác quản lý. Đồng thời, tập trung khai thác và phát huy hiệu quả nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tạo nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tăng cường giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm sử dụng vốn nhà nước đúng mục đích, an toàn, hiệu quả và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Tập trung rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp nhằm xử lý các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc tại doanh nghiệp; nâng cao trách nhiệm của người quản lý, người đại diện phần vốn nhà nước trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực về vốn, tài sản, đất đai và lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

7. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại đội ngũ và cải cách tiền lương; góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ nhằm khắc phục tình trạng giảm biên chế bình quân tại tất cả các cơ quan, đơn vị; xác định biên chế phải căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, địa phương gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Tổ chức triển khai, phổ biến kịp thời, sâu rộng các chính sách, pháp luật về việc làm đến với người dân, nhất là người lao động. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp giải quyết việc làm trong tỉnh và ngoài tỉnh cho người lao động, đặc biệt phối hợp thực hiện tốt chính sách của tỉnh về thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhằm tạo nhiều việc làm mới, việc làm bền vững và nâng cao năng suất lao động.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh cải cách hành chính, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân; bảo đảm tổ chức bộ máy hoạt động thông suốt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tăng cường quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp và yêu cầu thực tiễn; thực hiện bố trí, phân công lao động phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải tiến lề lối làm việc, đơn giản hóa quy trình xử lý công việc nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí hành chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, quản lý chặt chẽ thời gian lao động, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ và chất lượng phục vụ Nhân dân, góp phần phòng ngừa, hạn chế lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động.

- Xây dựng và phát triển thị trường lao động; đa dạng hóa hình thức hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động có nhiều cơ hội tham gia làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống và đảm bảo an sinh xã hội của địa phương.

8. Trong sản xuất và tiêu dùng cá nhân

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng; từng bước hình thành thói quen sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao ý thức tiết kiệm trong đời sống xã hội.

Khuyến khích phát triển, nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả, ứng dụng khoa học, công nghệ, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và tài nguyên thiên nhiên; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất gắn với phát triển bền vững.

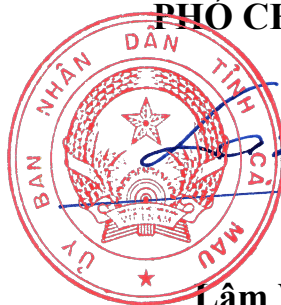
Tiếp tục vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, tiết kiệm trong tiêu dùng, tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động cộng đồng; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong việc tuyên truyền, lan tỏa các giá trị văn hóa tiết kiệm, góp phần xây dựng xã hội phát triển bền vững và hạn chế các biểu hiện lãng phí trong đời sống.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*gửi kèm theo các Phụ lục có liên quan*). Báo cáo này thay thế Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 19/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, DT (BC19).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi